

Câu	Ý	Nội dung	Điểm		
1	a	Lãi vay (hạn mức tín dụng) = 3,5 tỷ x 15% = 525 triệu đồng. Lãi vay (tín dụng tuần hoàn) = 5 tỷ x 15% = 750 triệu đồng.	0,25		
	b.	- Nguồn tài trợ không do vay mượn: Lương người lao động; Thuế phải nộp; bảo hiểm phải nộp; Tiền đặt cọc của khách hàng, tín dụng thương mại (CBD, COD, SDBL, tiền mặt, bill to bill, thanh toán có chiết khấu a/b net c, hàng ký gửi,...) - Nguồn tài trợ do vay mượn có đảm bảo: Vay thế chấp khoản phải thu, vay thế chấp hàng hóa, mua nợ, bảo lãnh bên thứ ba,... - Nguồn tài trợ do vay mượn không đảm bảo: Hạn mức tín dụng (thấu chi), tín dụng tuần hoàn, tín dụng thư, tài trợ theo hợp đồng hoặc dự án,... <b>Mỗi nguồn tài trợ liệt kê tối thiểu hai loại.</b>	1,0		
	c.	$R = 1.000.000 \times 12\% = 120.000$ đồng/tp $P_0 = 1.010.000$ đồng/tp $r_d = [R + (FV - PV)/n]/(FV + PV)/2$ $= [120 + (1.000 - 1.010)/5]/(1.000 + 1.010)/2 = 11,74\%$ $r'_d = r_d (1 - T) = 11,74(1 - 0,2) = 9,39\%$	1,75		
	<b>Tổng điểm câu 1</b>		<b>3,0</b>		
2	a.	<b>Bảng tính các khoản mục giữa hai chính sách tín dụng: Đvt: trđ</b>	1,0		
		<b>Khoản mục tính</b>		<b>CSTD cũ</b>	<b>CSTD mới</b>
		1. Kỳ thu tiền bình quân (ngày)		23	23
		<i>cũ</i> = 10*50% + 30*30% + 45*20%			
		<i>mới</i> = 15*60% + 30*20% + 40*20%			
		2. Tổng chiết khấu thực hiện		22,50	64,80
		<i>cũ</i> = 1%*4.500*50%			
		<i>mới</i> = 2%*5.400*60%			
		3. Chi phí cho khoản phải thu		27,65	33,18
		<i>cũ</i> = 65%*(4.500/365)*15%*23			
		<i>mới</i> = 65%*(5.400/365)*15%*23			
		4. Chi phí hoạt độ g		2.925,00	3.510,00
		<i>cũ</i> = 65%*4.500			
		<i>mới</i> = 65%*5.400			
5. Nợ khó đòi	90,00	270,00			
<i>cũ</i> = 2%*4.500					

Câu	Ý	Nội dung	Điểm																																							
		$mới = 5\% * 5.400$																																								
		<p><b>Bảng tính lãi ròng giữa hai chính sách:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Khoản mục tính</th> <th>CSTD cũ</th> <th>CSTD mới</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu</td> <td>4.500,00</td> <td>5.400,00</td> </tr> <tr> <td>- Chiết khấu bán hàng</td> <td>22,50</td> <td>64,80</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu thuần</td> <td>4.477,50</td> <td>5.335,20</td> </tr> <tr> <td>- Chi phí hoạt động</td> <td>2.925,00</td> <td>3.510,00</td> </tr> <tr> <td>Lãi gộp</td> <td>1.552,50</td> <td>1.825,20</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>33,18</td> </tr> <tr> <td>- Chi phí các khoản phải thu</td> <td>27,65</td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Chi phí phân tích tín dụng</td> <td>75,00</td> <td>200,00</td> </tr> <tr> <td>- Chi phí nợ khó đòi</td> <td>90,00</td> <td>270,00</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>1.359,85</td> <td>1.322,02</td> </tr> <tr> <td>- Thuế thu nhập doanh nghiệp</td> <td>271,97</td> <td>264,40</td> </tr> <tr> <td>Lãi ròng</td> <td><b>1.087,88</b></td> <td><b>1.057,62</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>KL: Công ty không nên thay đổi chính sách tín dụng.</p>	Khoản mục tính	CSTD cũ	CSTD mới	Doanh thu	4.500,00	5.400,00	- Chiết khấu bán hàng	22,50	64,80	Doanh thu thuần	4.477,50	5.335,20	- Chi phí hoạt động	2.925,00	3.510,00	Lãi gộp	1.552,50	1.825,20			33,18	- Chi phí các khoản phải thu	27,65		- Chi phí phân tích tín dụng	75,00	200,00	- Chi phí nợ khó đòi	90,00	270,00	Lợi nhuận trước thuế	1.359,85	1.322,02	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	271,97	264,40	Lãi ròng	<b>1.087,88</b>	<b>1.057,62</b>	1,0
Khoản mục tính	CSTD cũ	CSTD mới																																								
Doanh thu	4.500,00	5.400,00																																								
- Chiết khấu bán hàng	22,50	64,80																																								
Doanh thu thuần	4.477,50	5.335,20																																								
- Chi phí hoạt động	2.925,00	3.510,00																																								
Lãi gộp	1.552,50	1.825,20																																								
		33,18																																								
- Chi phí các khoản phải thu	27,65																																									
- Chi phí phân tích tín dụng	75,00	200,00																																								
- Chi phí nợ khó đòi	90,00	270,00																																								
Lợi nhuận trước thuế	1.359,85	1.322,02																																								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	271,97	264,40																																								
Lãi ròng	<b>1.087,88</b>	<b>1.057,62</b>																																								
	<b>b.</b>	<p>- Khối lượng NVL tối ưu mỗi lần mua (tấn)</p> $EOQ = \sqrt{\frac{2xFxS}{H}} = \sqrt{\frac{2 \times 700 \times 2.800}{2}} = 1.400$	0,5																																							
		<p>- Số lần thực hiện mua NVL (lần)</p> $O_d = \frac{S}{EOQ} = \frac{2.800}{1.400} = 2$ <p>- Mức tồn kho trung bình (tấn)</p> $A = \frac{EOQ}{2} = \frac{1.400}{2} = 700$ <p>- Khoảng cách trung bình giữa 2 lần đặt hàng (ngày)</p> $TA = \frac{N}{O_d} = \frac{360}{2} = 180$ <p>- Điểm đặt hàng (là khối lượng tối thiểu còn dự trữ ở kho)</p> $ROP = T \times Q = 90 \times (2.800/360) = 700 \text{ tấn}$	1,0																																							
		<b>Tổng điểm câu 2</b>	<b>3,5</b>																																							
<b>3</b>		<table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Nội dung</th> <th>T10</th> <th>T11</th> <th>T12</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>I</b></td> <td><b>Dòng tiền vào</b></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><b>1</b></td> <td>Dòng tiền vào từ HĐKD</td> <td>118,0</td> <td>132,0</td> <td>131,0</td> </tr> <tr> <td>a</td> <td>Doanh thu bán ra</td> <td>140,0</td> <td>130,0</td> <td>120,0</td> </tr> <tr> <td>b</td> <td>Thu tiền bán hàng</td> <td>118,0</td> <td>132,0</td> <td>131,0</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Tháng thứ nhất (20%)</td> <td>28,0</td> <td>26,0</td> <td>24,0</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Nội dung	T10	T11	T12	<b>I</b>	<b>Dòng tiền vào</b>				<b>1</b>	Dòng tiền vào từ HĐKD	118,0	132,0	131,0	a	Doanh thu bán ra	140,0	130,0	120,0	b	Thu tiền bán hàng	118,0	132,0	131,0		Tháng thứ nhất (20%)	28,0	26,0	24,0	3,5									
TT	Nội dung	T10	T11	T12																																						
<b>I</b>	<b>Dòng tiền vào</b>																																									
<b>1</b>	Dòng tiền vào từ HĐKD	118,0	132,0	131,0																																						
a	Doanh thu bán ra	140,0	130,0	120,0																																						
b	Thu tiền bán hàng	118,0	132,0	131,0																																						
	Tháng thứ nhất (20%)	28,0	26,0	24,0																																						

Câu	Ý	Nội dung			Điểm	
			<i>Tháng thứ hai (50%)</i>	60,0	70,0	65,0
			<i>Tháng thứ ba(30%)</i>	30,0	36,0	42,0
	<b>2</b>		Dòng tiền từ HĐ ĐT			20,0
	<b>3</b>		Dòng tiền từ HĐ TC			
			<b>Cộng dòng tiền vào</b>	118,0	132,0	151,0
	<b>II</b>		<b>Dòng tiền ra</b>			
	<b>1</b>		Dòng tiền ra từ HĐKD	92,2	99,6	119,4
	<b>a</b>		- Chi phí mua NVL	84,0	78,0	72,0
	<b>b</b>		- Trả tiền mua NVL	73,2	81,6	77,4
			+ <i>Tháng thứ nhất (20%)</i>	16,8	15,6	14,4
			+ <i>Tháng thứ hai (70%)</i>	50,4	58,8	54,6
			+ <i>Tháng thứ ba (10%)</i>	6,0	7,2	8,4
			- Tiền lương	14,0	13,0	12,0
			- Chi phí thuê	5,0	5,0	5,0
			- Chi phí thuế			25,0
	<b>2</b>		Dòng tiền từ HĐ đầu tư		70,0	15,0
			- <i>Mua TSCĐ</i>		70,0	
			- <i>Chi trả cổ tức</i>			15,0
	<b>3</b>		Dòng tiền ra từ HĐ tài chính			85,0
			- <i>Lãi vay</i>			10,0
			- <i>Nợ gốc đến hạn</i>			75,0
			<b>Cộng dòng tiền ra</b>	<b>92,2</b>	<b>169,6</b>	<b>219,4</b>
	<b>III</b>		<b>Dòng tiền thuần trong kỳ</b>	<b>25,8</b>	<b>- 37,6</b>	<b>- 68,4</b>
	<b>IV</b>		<b>Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>75,0</b>	<b>100,8</b>	<b>63,2</b>
	<b>V</b>		<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>100,8</b>	<b>63,2</b>	<b>-5,2</b>
	<b>VI</b>		<b>Mức dư tiền cần thiết</b>	<b>50,0</b>	<b>50,0</b>	<b>50,0</b>
	<b>VII</b>		<b>Mức dự trữ tiền mặt</b>	<b>50,8</b>	<b>13,2</b>	
	<b>VIII</b>		<b>Nhu cầu tài trợ ngắn hạn</b>			<b>55,2</b>
			- Dòng tiền vào: 2,0 đ			
			- Dòng tiền ra: 1,0 đ			
			- Phần còn lại: 0,5đ			
			<b>Tổng điểm câu 3</b>			<b>3,5</b>